PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN XÃ HẢI ĐÔNG VÙNG HĐ01 - TỶ LỆ 1/500

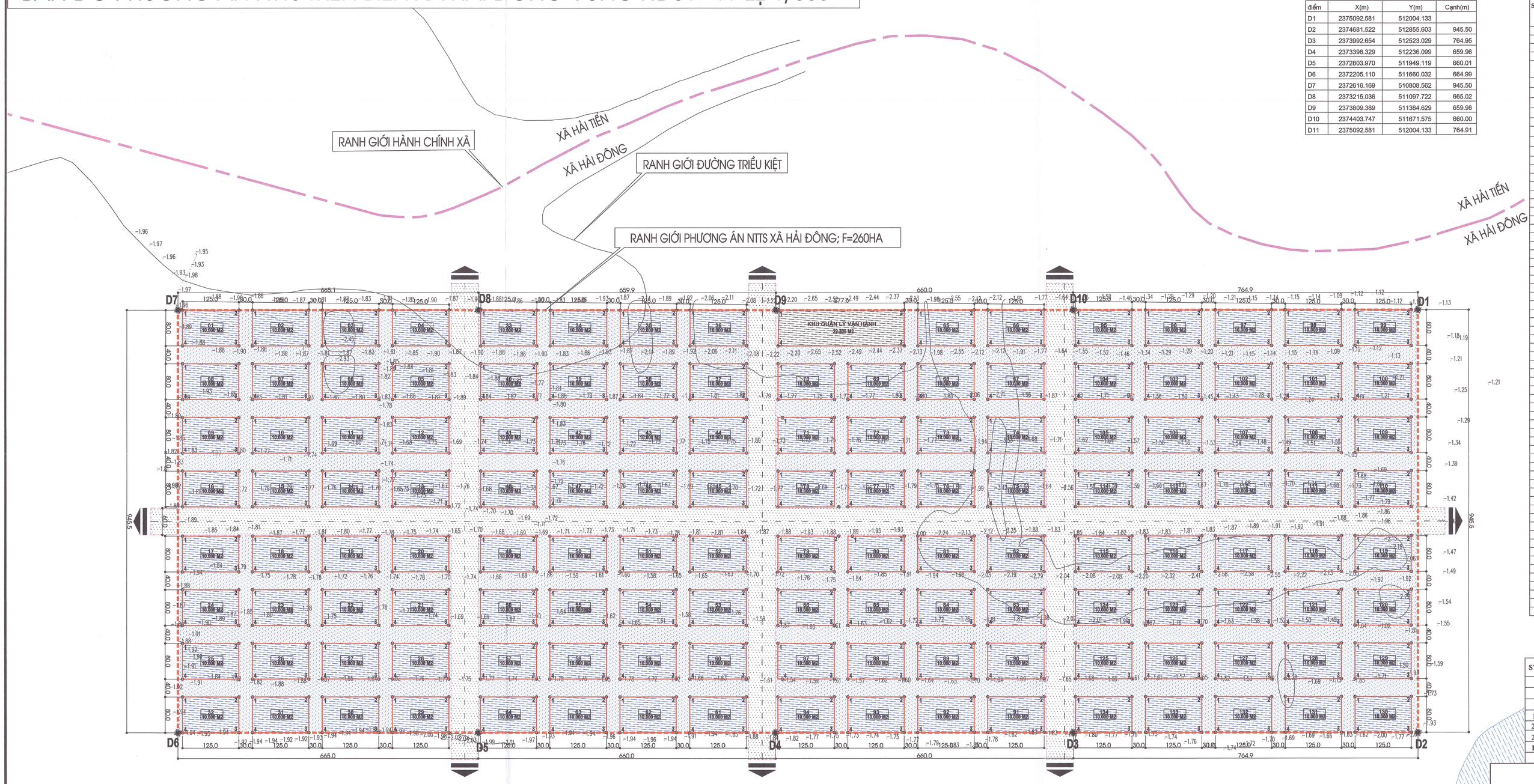

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI
PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN XÃ HẢI ĐÔNG

điểm	X(m)	Y(m)	Canh(m)
D1	2375092.581	512004.133	
D2	2374681.522	512855.603	945.50
D3	2373992.654	512523.029	764.95
D4	2373398.329	512236.099	659.96
D5	2372803.970	511949.119	660.01
D6	2372205.110	511660.032	664.99
D7	2372616.169	510808.562	945.50
D8	2373215.036	511097.722	665.02
D9	2373809.369	511384.629	659.98
D10	2374403.747	511671.575	660.00
D11	2375092.581	512004.133	764.91

THỐNG KÊ CÁC Ô NUÔI

STT Ô nuôi	Số ô	Diện tích (m2)	F ngoài đường triều kiệt (m2)	F trong đường triều kiệt (m2)
1	1	10.000,0		10.000,0
2	1	10.000,0		10.000,0
3	1	10.000,0		10.000,0
4	1	10.000,0	3.007,1	6.992,9
5	1	10.000,0		10.000,0
6	1	10.000,0		10.000,0
7	1	10.000,0		10.000,0
8	1	10.000,0		10.000,0
9	1	10.000,0		10.000,0
10	1	10.000,0		10.000,0
11	1	10.000,0		10.000,0
12	1	10.000,0		10.000,0
13	1	10.000,0		10.000,0
14	1	10.000,0		10.000,0
15	1	10.000,0		10.000,0
16	1	10.000,0		10.000,0
17	1	10.000,0		10.000,0
18	1	10.000,0		10.000,0
19	1	10.000,0		10.000,0
20	1	10.000,0		10.000,0
21	1	10.000,0		10.000,0
22	1	10.000,0		10.000,0
23	1	10.000,0		10.000,0
24	1	10.000,0		10.000,0
25	1	10.000,0		10.000,0
26	1	10.000,0		10.000,0
27	1	10.000,0		10.000,0
28	1	10.000,0		10.000,0
29	1	10.000,0		10.000,0
30	1	10.000,0		10.000,0
31	1	10.000,0		10.000,0
32	1	10.000,0		10.000,0
33	1	10.000,0	10.000,0	
34	1	10.000,0	10.000,0	
35	1	10.000,0	2.845,7	7.154,4
36	1	10.000,0		10.000,0
37	1	10.000,0		10.000,0
38	1	10.000,0		10.000,0
39	1	10.000,0	393,6	9.606,4
40	1	10.000,0	2.851,4	7.148,6
41	1	10.000,0		10.000,0
42	1	10.000,0		10.000,0
43	1	10.000,0		10.000,0
44	1	10.000,0		10.000,0
45	1	10.000,0		10.000,0
46	1	10.000,0		10.000,0
47	1	10.000,0		10.000,0
48	1	10.000,0		10.000,0
49	1	10.000,0		10.000,0
50	1	10.000,0		10.000,0
51	1	10.000,0		10.000,0
52	1	10.000,0		10.000,0
53	1	10.000,0		10.000,0
54	1	10.000,0		10.000,0
55	1	10.000,0		10.000,0
56	1	10.000,0		10.000,0
57	1	10.000,0		10.000,0
58	1	10.000,0		10.000,0
59	1	10.000,0		10.000,0
60	1	10.000,0		10.000,0
61	1	10.000,0		10.000,0
62	1	10.000,0		10.000,0
63	1	10.000,0		10.000,0
64	1	10.000,0		10.000,0
65	1	10.000,0		10.000,0
66	1	10.000,0		10.000,0
67	1	10.000,0		10.000,0
Tổng	**134**	**1.340.000,0**	**29.097,8**	**1.310.902,2**

TOÀN BỘ VÙNG DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN XÃ HẢI ĐÔNG NĂM TRONG 3 HẢI LÝ

THỐNG KÊ CÁC Ô NUÔI

STT Ô nuôi	Số ô	Diện tích (m2)	F ngoài đường triều kiệt (m2)	F trong đường triều kiệt (m2)
68	1	10.000,0		10.000,0
69	1	10.000,0		10.000,0
70	1	10.000,0		10.000,0
71	1	10.000,0		10.000,0
72	1	10.000,0		10.000,0
73	1	10.000,0		10.000,0
74	1	10.000,0		10.000,0
75	1	10.000,0		10.000,0
76	1	10.000,0		10.000,0
77	1	10.000,0		10.000,0
78	1	10.000,0		10.000,0
79	1	10.000,0		10.000,0
80	1	10.000,0		10.000,0
81	1	10.000,0		10.000,0
82	1	10.000,0		10.000,0
83	1	10.000,0		10.000,0
84	1	10.000,0		10.000,0
85	1	10.000,0		10.000,0
86	1	10.000,0		10.000,0
87	1	10.000,0		10.000,0
88	1	10.000,0		10.000,0
89	1	10.000,0		10.000,0
90	1	10.000,0		10.000,0
91	1	10.000,0		10.000,0
92	1	10.000,0		10.000,0
93	1	10.000,0		10.000,0
94	1	10.000,0		10.000,0
95	1	10.000,0		10.000,0
96	1	10.000,0		10.000,0
97	1	10.000,0		10.000,0
98	1	10.000,0		10.000,0
99	1	10.000,0		10.000,0
100	1	10.000,0		10.000,0
101	1	10.000,0		10.000,0
102	1	10.000,0		10.000,0
103	1	10.000,0		10.000,0
104	1	10.000,0		10.000,0
105	1	10.000,0		10.000,0
106	1	10.000,0		10.000,0
107	1	10.000,0		10.000,0
108	1	10.000,0		10.000,0
109	1	10.000,0		10.000,0
110	1	10.000,0		10.000,0
111	1	10.000,0		10.000,0
112	1	10.000,0		10.000,0
113	1	10.000,0		10.000,0
114	1	10.000,0		10.000,0
115	1	10.000,0		10.000,0
116	1	10.000,0		10.000,0
117	1	10.000,0		10.000,0
118	1	10.000,0		10.000,0
119	1	10.000,0		10.000,0
120	1	10.000,0		10.000,0
121	1	10.000,0		10.000,0
122	1	10.000,0		10.000,0
123	1	10.000,0		10.000,0
124	1	10.000,0		10.000,0
125	1	10.000,0		10.000,0
126	1	10.000,0		10.000,0
127	1	10.000,0		10.000,0
128	1	10.000,0		10.000,0
129	1	10.000,0		10.000,0
130	1	10.000,0		10.000,0
131	1	10.000,0		10.000,0
132	1	10.000,0		10.000,0
133	1	10.000,0		10.000,0
134	1	10.000,0		10.000,0
Tổng	**134**	**1.340.000,0**	**29.097,8**	**1.310.902,2**

B

TỶ LỆ 1/500

1cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

0M 10M 20M 30M 40M 50M

Hệ toạ độ VN 2000 và cao độ Quốc Gia

CÁC CĂN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS:

+ PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

TỶ LỆ : 1/500 ĐƯỢC LẬP TRÊN CƠ SỞ :

-CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/QĐ-TTG NGÀY 11/02/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NINH THỜI KỲ 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .

- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1664/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGÀY 04/10/2021 VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN NTTS TRÊN BIỂN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 795/QĐ-UBND NGÀY 06/03/2024 CỦA UBND TP MÓNG CÁI VỀ VIV PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 377/QĐ-KT NGÀY 22/04/2024 CỦA PHÒNG KINH TẾ TP MÓNG CÁI VỀ VIV PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TP MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ HỢP ĐỒNG SỐ 18/2024/HĐKT-KT NGÀY 25/04/2024 GIỮA PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI VÀ LIÊN DANH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ BẢN ĐỒ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN LẬP THÁNG 06/2024;

RANH GIỚI NTTS XÃ HẢI ĐÔNG

+TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN : 2.600.000,00 M2 (260,00HA);

ĐỊNH VỊ BẰNG CÁC ĐIỂM D1, D2, D3,....D9, D10, D1 CÓ TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ TRÊN BẢN VẼ.

ĐỊNH VỊ RANH GIỚI KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT NTTS:

- DỰA VÀO CÁC MỐC ĐÃ CÓ TRÊN THỰC ĐỊA (SỬ DỤNG HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000 VÀ CAO ĐỘ QUỐC GIA DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN LẬP). XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM RANH GIỚI KHU NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN CỦA DỰ ÁN THEO TOẠ ĐỘ GHI TRÊN BẢN VẼ.

TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH CỦA THUYỀN BÈ

Ô GIAO CHO ĐỐI TƯỢNG CÓ NHU CẦU PHÙ HỢP NUÔI NHUYỄN THỂ DẠNG BÃI

KHU QUẢN LÝ VẬN HÀNH

TRỤC GIAO THÔNG NỘI BỘ

ĐẢO, NÚI ĐÁ

ĐƯỜNG RANH GIỚI PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT KHU NUÔI THỦY SẢN

E1 MỐC RANH GIỚI LẬP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT NTTS

1 MỐC RANH GIỚI CÁC KHU NUÔI

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, CHIA KHU VỰC BIỂN PHỤC VỤ NTTS TẠI XÃ HẢI ĐÔNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	Diện tích luồng lạch, lưu không	m^2	1.237,735	47,60
a	Diện tích luồng lạch giao thông chính	m^2	324,385	12,48
b	Diện tích luồng lạch phụ, lưu không nội bộ	m^2	913,350	35,13
II	Tổng diện tích các ô nuôi	m^2	1.340.000	51,54
2.1	Số ô nuôi (phù hợp nuôi nhuyễn thể dạng bãi)	ô	134	-
2.2	Diện tích trung bình 1 ô nuôi	m^2	10.000	-
III	Khu quản lý vận hành	m^2	22.305	0,86
	Tổng diện tích (I+II+III)	m^2	2.600.040	100

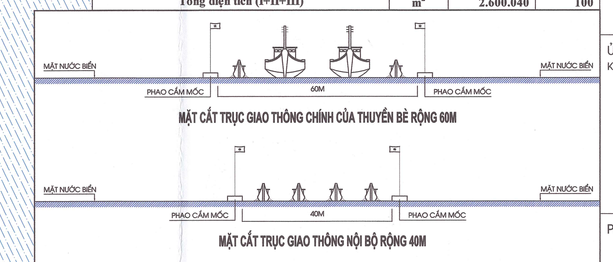

MẶT CẮT TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH CỦA THUYỀN BÈ RỘNG 60M

MẶT CẮT TRỤC GIAO THÔNG NỘI BỘ RỘNG 40M

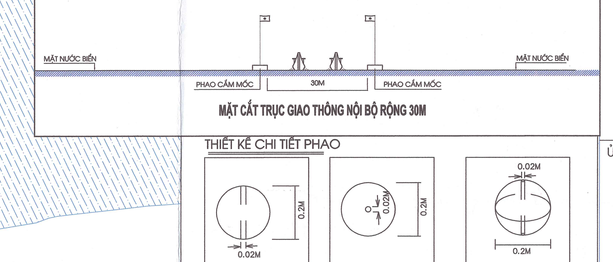

MẶT CẮT TRỤC GIAO THÔNG NỘI BỘ RỘNG 30M

THIẾT KẾ CHI TIẾT PHAO

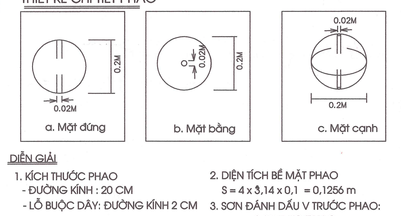

a. Một đăng b. Một bằng c. Một cạnh

DIỄN GIẢI

1. KÍCH THƯỚC PHAO
- ĐƯỜNG KÍNH : 20 CM
- LỖ BUỘC DÂY: ĐƯỜNG KÍNH 2 CM

2. DIỆN TÍCH BỀ MẶT PHAO
S = d x 3,14 x h = 0,1256 m

3. SƠN ĐÁNH DẤU V TRƯỚC PHAO: 0,0157 KG/PHAO

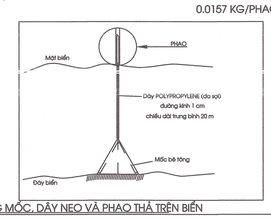

HỆ THỐNG MỐC, DÂY NEO VÀ PHAO THẢ TRÊN BIỂN

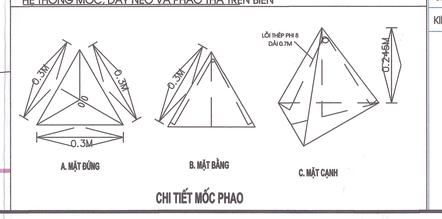

A. MẶT ĐỨNG B. MẶT BẰNG C. MẶT CẠNH

CHI TIẾT MỐC PHAO

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
1	1	2372625.187	510812.916
	2	2372737.756	510867.260
	3	2372702.970	510939.304
	4	2372590.406	510884.962
2	1	2372764.772	510880.301
	2	2372877.341	510934.645
	3	2372842.556	511006.688
	4	2372729.991	510952.346
3	1	2372904.358	510947.687
	2	2373016.926	511002.031
	3	2372982.141	511074.075
	4	2372869.577	511019.733
4	1	2373043.943	511015.074
	2	2373156.512	511069.418
	3	2373121.726	511141.462
	4	2373009.162	511087.120
5	1	2373991.760	511123.134
	2	2373104.329	511177.478
	3	2373069.543	511249.522
	4	2372956.979	511195.180
6	1	2374082.163	511205.747
	2	2372964.744	511110.091
	3	2372929.958	511182.135
	4	2372817.394	511127.793
7	1	2372712.590	511988.361
	2	2372825.158	511042.705
	3	2372790.373	511114.748
	4	2372677.809	511060.406
8	1	2372573.004	510920.976
	2	2372685.573	510975.320
	3	2372650.788	511047.364
	4	2372538.223	510993.022
9	1	2372520.834	511029.042
	2	2372633.403	511083.386
	3	2372598.617	511155.430
	4	2372486.053	511101.088
10	1	2372660.419	511996.427
	2	2372772.988	511150.771
	3	2372738.203	511222.814
	4	2372625.638	511168.472
11	1	2372800.005	511163.813
	2	2372912.573	511218.157
	3	2372877.788	511290.201
	4	2372765.223	511235.859
12	1	2372939.590	511231.200
	2	2373052.158	511285.544
	3	2373017.373	511357.588
	4	2372904.809	511303.246
13	1	2372887.419	511339.266
	2	2372999.988	511393.610
	3	2372965.203	511465.654
	4	2372852.638	511411.312
14	1	2372747.834	511271.879
	2	2372860.403	511326.223
	3	2372825.617	511398.267
	4	2372713.053	511343.925

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
15	1	2372608.249	511204.493
	2	2372720.818	511258.837
	3	2372686.032	511330.880
	4	2372573.468	511276.538
16	1	2372468.664	511337.108
	2	2372581.232	511191.452
	3	2372546.447	511263.496
	4	2372433.883	511209.154
17	1	2372405.407	511268.138
	2	2372517.976	511322.482
	3	2372483.190	511394.526
	4	2372370.626	511340.183
18	1	2372544.992	511335.523
	2	2372657.561	511389.867
	3	2372622.776	511461.910
	4	2372510.211	511407.568
19	1	2372684.578	511402.909
	2	2372797.146	511457.253
	3	2372762.361	511529.297
	4	2372649.796	511474.955
20	1	2372824.163	511470.296
	2	2372936.731	511524.640
	3	2372901.946	511596.684
	4	2372789.382	511542.342
21	1	2372771.992	511578.362
	2	2372884.561	511632.706
	3	2372849.776	511704.750
	4	2372737.211	511650.408
22	1	2372632.407	511510.975
	2	2372744.976	511565.319
	3	2372710.190	511637.363
	4	2372597.626	511583.021
23	1	2372492.822	511443.588
	2	2372605.391	511497.933
	3	2372570.605	511569.976
	4	2372458.041	511515.634
24	1	2372353.237	511376.204
	2	2372465.805	511430.548
	3	2372431.020	511502.591
	4	2372318.456	511448.249
25	1	2372301.066	511484.270
	2	2372413.635	511538.614
	3	2372378.850	511610.657
	4	2372266.285	511556.315
26	1	2372440.652	511551.854
	2	2372553.220	511605.999
	3	2372518.435	511678.042
	4	2372405.870	511623.700
27	1	2372580.237	511619.041
	2	2372692.805	511673.385
	3	2372658.020	511745.429
	4	2372545.456	511691.087
28	1	2372719.822	511686.428
	2	2372832.391	511740.772
	3	2372797.605	511812.816
	4	2372685.041	511758.474

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
29	1	2372667.652	511794.494
	2	2372780.220	511848.838
	3	2372745.435	511920.882
	4	2372632.871	511866.540
30	1	2372528.066	511727.107
	2	2372640.635	511781.451
	3	2372605.850	511853.495
	4	2372493.285	511799.153
31	1	2372388.481	511659.720
	2	2372501.050	511714.065
	3	2372466.264	511786.108
	4	2372353.700	511731.766
32	1	2372246.896	511592.336
	2	2372361.465	511646.680
	3	2372326.679	511718.723
	4	2372214.115	511664.381
33	1	2372319.550	511099.851
	2	2372332.119	511154.195
	3	2372297.333	511226.239
	4	2372184.769	511171.897
34	1	2372356.135	511167.238
	2	2372471.704	511221.582
	3	2372436.918	511293.625
	4	2372324.354	511239.283
35	1	2372498.720	511234.624
	2	2372611.289	511288.968
	3	2372576.504	511361.012
	4	2372463.939	511306.670
36	1	2372638.306	511302.011
	2	2372750.874	511356.355
	3	2372716.089	511428.399
	4	2372603.525	511374.057
37	1	2372586.123	511410.071
	2	2372698.692	511464.415
	3	2372663.906	511536.459
	4	2372551.342	511482.117
38	1	2372446.538	511342.684
	2	2372559.106	511397.029
	3	2372524.321	511469.072
	4	2372411.757	511414.730
39	1	2372306.952	511275.298
	2	2372419.521	511329.642
	3	2372384.736	511401.685
	4	2372272.171	511347.343
40	1	2372167.367	511207.911
	2	2372279.936	511262.255
	3	2372245.151	511334.299
	4	2372132.586	511279.957
41	1	2372115.197	511315.977
	2	2372227.766	511370.321
	3	2372192.980	511442.365
	4	2372080.416	511388.023
42	1	2372054.782	511383.364
	2	2372367.351	511437.708
	3	2372332.565	511509.751
	4	2372220.001	511455.409

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
43	1	2373394.367	511450.75
	2	2373506.936	511505.095
	3	2373472.151	511577.138
	4	2373359.586	511522.796
44	1	2373533.953	511618.137
	2	2373646.521	511672.481
	3	2373611.736	511644.525
	4	2373499.171	511590.183
45	1	2373481.782	511626.203
	2	2373594.351	511680.547
	3	2373559.565	511752.591
	4	2373447.001	511698.249
46	1	2373342.197	511558.816
	2	2373454.766	511613.161
	3	2373419.980	511685.204
	4	2373307.416	511630.862
47	1	2373202.612	511491.430
	2	2373315.180	511545.774
	3	2373280.395	511617.817
	4	2373167.831	511563.475
48	1	2373063.027	511424.043
	2	2373175.595	511478.387
	3	2373140.810	511550.431
	4	2373028.245	511496.089
49	1	2372999.770	511555.073
	2	2373112.339	511609.417
	3	2373077.553	511681.461
	4	2372964.989	511627.119
50	1	2373139.355	511822.460
	2	2373251.924	511876.804
	3	2373217.138	511748.847
	4	2373104.574	511694.505
51	1	2373278.940	511889.846
	2	2373391.509	511744.190
	3	2373356.724	511816.234
	4	2373244.159	511761.892
52	1	2373418.526	511757.233
	2	2373531.094	511811.577
	3	2373496.309	511883.621
	4	2373383.744	511829.279
53	1	2373566.355	511865.299
	2	2373678.924	511919.643
	3	2373644.138	511991.687
	4	2373531.574	511937.345
54	1	2373726.770	511797.912
	2	2373839.339	511852.256
	3	2373804.551	511924.300
	4	2373691.989	511869.958
55	1	2373887.185	511730.526
	2	2373999.753	511784.870
	3	2373964.968	511856.913
	4	2373852.404	511802.571
56	1	2373956.525	511634.299
	2	2374069.093	511688.643
	3	2374034.308	511760.687
	4	2373922.743	511706.345
57	1	2374049.312	511571.688
	2	2374161.881	511626.032
	3	2374127.095	511698.076
	4	2374014.531	511643.734
58	1	2374142.149	511509.077
	2	2374254.718	511563.421
	3	2374219.932	511635.465
	4	2374107.368	511581.123
59	1	2374235.986	511446.466
	2	2374348.555	511500.810
	3	2374313.769	511572.854
	4	2374201.205	511518.512
60	1	2374329.804	511384.855
	2	2374442.373	511439.199
	3	2374407.588	511511.243
	4	2374295.024	511456.901
61	1	2374423.642	511323.244
	2	2374536.211	511377.588
	3	2374501.426	511449.632
	4	2374388.861	511395.290
62	1	2374517.480	511262.633
	2	2374630.049	511316.977
	3	2374595.263	511389.021
	4	2374482.699	511334.679
63	1	2374611.319	511201.022
	2	2374723.888	511255.366
	3	2374689.102	511327.410
	4	2374576.538	511273.068
64	1	2374705.643	511575.924
	2	2374818.212	511630.268
	3	2374783.427	511702.312
	4	2374670.863	511647.968
65	1	2374794.475	511513.311
	2	2374907.044	511567.655
	3	2374872.259	511639.699
	4	2374759.695	511585.357
66	1	2374880.307	511452.588
	2	2374992.876	511506.932
	3	2374958.090	511578.976
	4	2374845.526	511524.634
67	1	2374967.138	511391.866
	2	2375079.707	511446.210
	3	2375044.922	511518.254
	4	2374932.358	511463.912
68	1	2375053.970	511330.544
	2	2375166.539	511384.888
	3	2375131.754	511456.932
	4	2375019.190	511402.590
69	1	2375139.801	511269.211
	2	2375252.370	511323.555
	3	2375217.584	511395.599
	4	2375105.020	511341.257
70	1	2375225.632	511208.577
	2	2375338.201	511262.921
	3	2375303.415	511334.965
	4	2375190.851	511280.623
71	1	2375309.551	511602.933
	2	2375422.119	511657.277
	3	2375387.334	511729.321
	4	2375274.770	511674.979
72	1	2375449.318	511540.320
	2	2375561.704	511724.664
	3	2375526.919	511796.707
	4	2375414.355	511742.365
73	1	2375588.721	511737.706
	2	2375701.290	511792.050
	3	2375666.504	511864.094
	4	2375553.940	511809.752
74	1	2374128.306	511805.093
	2	2374240.875	511859.437
	3	2374206.089	511931.481
	4	2374093.525	511877.139
75	1	2374076.136	511913.159
	2	2374188.705	511967.503
	3	2374153.919	512039.547
	4	2374041.355	511985.205
76	1	2373936.551	511846.772
	2	2374049.119	511900.116
	3	2374014.334	511972.160
	4	2373901.770	511917.818
77	1	2373796.965	511778.386
	2	2373909.534	511832.730
	3	2373874.749	511904.773
	4	2373762.184	511850.431
78	1	2373657.380	511710.999
	2	2373769.949